

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-PT

Ngày: 17 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Bùi Thanh Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Như Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:** Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 17 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/HSPT ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo Trần Duy H. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Duy H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- **Bị cáo kháng cáo:** **Trần Duy H**, sinh năm 1993 tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Duy L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo có liên quan đến vụ án: **Hoàng Văn T**, sinh năm 1994 tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1968 và bà Trần Thị L1, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2023 cho đến nay. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Bị cáo không kháng cáo nhưng được Tòa án trích xuất để làm rõ nội dung vụ án, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Ông Lê Trung K, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn T và Trần Duy H là bạn bè quen biết với nhau từ trước. Ông Hoàng Văn C, cư trú tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (bố của T) có quan hệ bạn bè quen biết với ông Lê Trung K là chủ Cửa hàng kinh doanh xe máy điện Phương Nam tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước nên ông K nói T ra cửa hàng xe máy của ông K để học việc và làm phụ giúp cho ông K. T ra học và làm việc tại cửa hàng ông K từ tháng 4/2023 đến cuối tháng 5/2023 thì nghỉ.

Ngày 13/6/2023, ông K cùng gia đình đi du lịch tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên ông K gọi T đến cửa hàng để nhờ T trông coi, quản lý tài sản và quản lý tiền khi khách đến mua hàng, sửa xe, bán xe hay nhận tiền khách trả mua góp xe. Khi T đang ở cửa hàng thì H đi qua và nhìn thấy T nên H vào chơi, nói chuyện với T. Qua nói chuyện, H biết được T đang trông coi cửa hàng cho ông K. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H rủ T đi đến nhà nghỉ A1 thuộc thôn T, xã B do bà Nguyễn Thị Mỹ D làm chủ để sử dụng ma túy và chơi game thì T đồng ý. T lấy xe máy điện nhãn hiệu VC, màu trắng - xanh của ông K đi đến nhà nghỉ A1 H1 gặp H. T và H thuê phòng tại đây rồi cùng nhau sử dụng ma túy, chơi game rồi cả hai cùng ngủ tại nhà nghỉ. Đến sáng ngày 14/6/2023, T đi về cửa hàng để trông coi và bán hàng cho ông K. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T tiếp tục điều khiển xe máy điện trên đi đến nhà nghỉ A H1 để cùng với H sử dụng ma túy và chơi đánh bạc qua mạng.

Từ ngày 13/6/2023 đến ngày 14/6/2023, T thu được tổng cộng 6.248.000 đồng gồm tiền bán hàng, sửa xe và thu tiền trả góp xe tại cửa hàng xe máy điện của ông K. Do không có tiền đánh bạc trên mạng nên H hỏi mượn tiền T nhưng T không đồng ý và nói “tiền của ông K nên không cho mượn được”. Lúc này, H nói với T “cho mượn rồi sẽ mượn chỗ khác và trả lại ngay cho T” nên T đồng ý đưa cho H mượn 1.000.000 đồng để H đánh bạc trên mạng, đồng thời T cũng sử dụng số tiền còn lại là 5.248.000 đồng để đánh bạc trên mạng. Trong quá trình đánh bạc, H thắng được tiền nên đã trả lại cho T 1.000.000 đồng. Sau khi trả tiền cho T, cả hai tiếp tục đánh bạc thì bị thua hết tiền. Do không còn tiền để đánh bạc, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy điện của ông K và nói với H “giờ thua hết tiền rồi, không dám về nữa, tìm chỗ cầm xe máy điện của ông K để lấy tiền tiếp tục đánh bạc” thì H đồng ý. Sau đó, Hoàng liên h với Phạm Văn H2, cư trú tại thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước thì H2 đồng ý cho Hoàng mượn 7.000.000 đồng với điều kiện H để lại chiếc xe máy điện làm tin. Sau đó, H điều khiển chiếc xe máy điện đi vào nhà của H2, tại đây H đưa xe máy điện cho H2 và H2 đưa số tiền 7.000.000 đồng cho H. Sau khi nhận được tiền, H lấy 500.000 đồng mua ma túy về sử dụng cùng với T, còn lại H trả tiền thuê phòng nhà nghỉ, tiền thuê xe ôm đi từ xã L về xã B và mượn 1.000.000 đồng để đánh bạc trên mạng, còn lại 4.900.000 đồng thì H đưa cho T. T tiếp tục đánh bạc trên mạng và bị thua hết số tiền này. Sau khi thua hết tiền và không có khả năng trả

lại cho ông K, T không dám về cửa hàng của ông K nữa mà bỏ trốn khỏi địa phương. Do nhiều lần liên lạc với T không được nên ngày 07/9/2023, ông K đến Công an xã B trình báo sự việc.

Đến ngày 08/9/2023, T biết ông K đã trình báo sự việc đến Công an xã B nên ra đầu thú. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, T và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 15/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định: Tại thời điểm ngày 14/6/2023, giá trị của 01 xe máy điện nhãn hiệu VC, màu trắng - xanh là 17.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Duy H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Duy H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2024, bị cáo Trần Duy H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Hoàng Văn T khai nhận bị cáo làm cho ông K từ tháng 3/2023 đến cuối tháng 5/2023, sau khi nhận lương tháng 5 xong thì bị cáo đi đám cưới bạn và không tiếp tục làm việc cho ông K nữa. Đến trước ngày 13/6/2023, ông K điện thoại nhờ bị cáo ra trông coi, quản lý cửa tiệm giúp cho ông K chứ bị cáo không làm thuê hay là nhân viên của ông K.

- Bị cáo Trần Duy H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm nhận định, bị cáo Hoàng g nguyên kháng cáo và cung cấp thêm Phiếu siêu âm của bị cáo; Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án và Đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn để chứng minh bị cáo là người đang trực tiếp nuôi con nhỏ, chăm sóc bố mẹ già. Bị cáo xác định bị cáo là người trả 7.000.000 đồng cho Phạm Văn H2 để H2 đi lấy lại xe về giao nộp cho Cơ quan điều tra và trả cho ông K.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ

thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Duy H được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã nhận định; bị cáo T xác định bị cáo không có mối quan hệ công việc với hộ gia đình ông K do bị cáo đã nghỉ việc từ cuối tháng 5/2023, đến ngày 13/6/2023 ông K nhờ bị cáo ra trông tiệm, bán hàng giúp cho ông K trong thời gian gia đình ông K đi du lịch. Như vậy, ông K chỉ nhờ bị cáo T quản lý giúp ông với tư cách cá nhân chứ không phải đại diện hộ kinh doanh Lê Trung K. Lợi dụng lòng tin của ông K, trong quá trình quản lý tài sản được giao bị cáo T đã chiếm đoạt 6.248.000 đồng và 01 chiếc xe máy điện của gia đình ông K nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Trần Duy H mặc dù đã biết tài sản là của ông K nhưng vẫn đồng ý giúp bị cáo T mang đi cầm cố chiếc xe máy điện lấy 7.000.000 đồng để mua ma túy cùng sử dụng, trả tiền nhà nghỉ và mượn 1.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo H là đồng phạm với bị cáo T là phù hợp. Lời khai của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Duy H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Trần Duy H, thấy rằng:

Bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Duy H xác định bị cáo là người trả 7.000.000 đồng cho Phạm Văn H2 để H2 đi lấy lại xe và giao nộp cho Cơ quan điều tra; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Phạm Văn H2 nên có cơ sở xác định bị cáo đã khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Trong vụ án này, bị cáo H là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo T thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của ông K, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo là người nghiện ma túy nên Tòa án sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn 01 năm để bị cáo có thời gian cai nghiện cũng như

phòng ngừa chung là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh tình trạng sức khỏe của bị cáo và hoàn cảnh bị cáo khó khăn, phải chăm sóc cha mẹ già và con nhỏ. Nhưng kết quả siêu âm thể hiện “chức năng tâm thu, tâm trương bình thường” cho thấy sức khỏe của bị cáo bình thường; Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng đã giao con chung cho vợ bị cáo là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cũng như bố mẹ bị cáo đang trong độ tuổi lao động mà không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cần phải có người chăm sóc, nuôi dưỡng nên bị cáo cho rằng việc thi hành án sẽ ảnh hưởng đến việc điều trị của bị cáo và điều kiện sinh sống của bố, mẹ, con bị cáo bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Duy H.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,
Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Trần Duy H

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Duy H.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Duy H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Duy H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Duy H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước (1);
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước (1);
- TAND, VKSND huyện Phú Riềng (3);
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng (1);
- CQĐT Công an huyện Phú Riềng (1)
- Cơ quan THAHS huyện Phú Riềng (1)
- Công an huyện Phú Riềng (1);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước (1);
- Trại giam Công an tỉnh (1);
- Bị cáo (2);
- Tổ HCTP, lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nhum